

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 84/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 09 - 8 - 2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Thận.

2. Ông Nguyễn Văn Quyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Võ Thị Thu T, sinh ngày: 22/6/1988 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn P, sinh ngày: 31/5/1982 (có mặt);

Đều trú tại: Thôn N, xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 29/5/2019, lời khai ngày 26/6/2019 và các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị Thu T trình bày các vấn đề yêu cầu giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn P tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/8/2009. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống cùng với mẹ ruột của chị T tại thôn N, xã P được một thời gian ngắn thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau; anh P thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ chị T một cách vô cớ; vấn đề sinh lý của vợ chồng không hòa hợp. Do đó, tình cảm vợ chồng thường xuyên sút mẻ, bất hòa. Mâu thuẫn không giải quyết được nên từ tháng 5/2018 thì hai anh chị sống ly thân cho đến nay. Hiện chị T nhận thấy không còn tình cảm với anh P nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh P.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng chị có 02 người con chung là Nguyễn Văn Long K, sinh ngày: 07/8/2010 và Nguyễn Võ Thiên A, sinh ngày: 27/3/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, chị T yêu cầu Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu K để giao cháu cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; và yêu cầu giao cháu A cho chị trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T thừa nhận không có.

[2] Về ý kiến của bị đơn: Tại bản khai ngày 26/6/2018 và các biên bản hòa giải, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/8/2009. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, anh Phong thừa nhận một phần là do kinh tế khó khăn; mặt khác do sống cùng với gia đình vợ, nên chị Thảo tỏ ra ỷ lại, ngang ngược, xem thường chồng. Từ năm 2017 thì chị Thảo tỏ thái độ lạnh nhạt với chồng, thường xuyên gọi điện, nhắn tin vào đêm khuya cho bạn trai, anh Phong đã phát hiện và trực tiếp gọi điện yêu cầu phía bên kia chấm dứt liên lạc với chị T. Anh P cho rằng mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, anh cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

Về con chung: Anh P trình bày vợ chồng anh có 02 người con chung là Nguyễn Văn Long K, sinh ngày: 07/8/2010 và Nguyễn Võ Thiên A, sinh ngày: 27/3/2014. Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giao cháu K cho anh trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu A cho chị Thảo trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh P thừa nhận không có.

[3] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đi làm công ty nhưng cũng thường xuyên đi về không đúng giờ giấc ham chơi với bạn bè, nên anh P ghen tuông, nghi ngờ tình cảm của chị T đối

với mình nên bực tức và có lời nói không đúng. Tuy nhiên, sau khi kết hôn, khi vợ chồng không sống được ở gia đình chồng thì anh P đã theo chị T về sống với gia đình chị T. Điều đó chứng tỏ anh P vẫn rất yêu thương và thiết tha xây dựng cuộc sống gia đình với chị T. Bản thân chị T tại phiên tòa cũng thừa nhận chị không hề có quan hệ tình cảm với ai. Mặt khác vợ chồng chị T anh P còn trẻ, về mặt tình cảm, tinh thần cần có sự vun đắp, hỗ trợ lẫn nhau để duy trì cuộc hôn nhân và chăm lo, nuôi dạy con chung. Về phía hai bên gia đình mẹ chị T và mẹ anh P cũng mong muốn các con đoàn tụ. Nên yêu cầu ly hôn của chị T là chưa có cơ sở thuyết phục, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T và không xem xét giải quyết việc nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Võ Thị Thu T và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã đăng ký kết hôn tại Ủy Ban Nhân Dân xã P, huyện Đ, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 18/8/2009. Điều kiện và thủ tục đăng ký kết hôn đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Qua ý kiến của các đương sự, Tòa án đã hòa giải nhiều lần, phía anh P mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị T không có thiện chí vì cho rằng chị đã không còn tình cảm với anh P nữa. Xét tình trạng hôn nhân của chị T, anh P thì thấy nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do chị T đi làm công ty nhưng cũng thường xuyên đi về không đúng giờ giấc ham chơi với bạn bè, nên anh P ghen tuông, nghi ngờ tình cảm của chị T nên đôi lúc có lời lẽ không đúng. Qua thời gian chung sống, khi vợ chồng không sống được ở gia đình chồng thì anh P đã theo chị T về sống với gia đình chị T. Điều đó chứng tỏ anh P vẫn rất yêu thương và thiết tha xây dựng cuộc sống gia đình với chị T. Bản thân chị T cũng thừa nhận chị không hề có quan hệ tình cảm với ai. Qua ý kiến đại diện gia đình hai bên, mẹ chị T và mẹ anh P cũng mong muốn vợ chồng đoàn tụ; Về ý kiến của chị T nêu ra tại phiên tòa dẫn đến nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn cũng không chứng minh được tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã trầm trọng đến mức không thể hàn gắn được. Nghĩ vợ chồng chị T anh P còn trẻ, về mặt tình cảm, tinh thần cần có sự vun đắp, hỗ trợ lẫn nhau để vui sống, duy trì cuộc hôn nhân và chăm lo, nuôi dạy con chung. Do yêu cầu ly hôn của chị T là chưa có cơ sở thuyết phục, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Do không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét, giải quyết vấn đề về con chung.

[3] Về án phí: Buộc chị Võ Thị Thu T phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008420 ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Chị Thảo đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Võ Thị Thu T.

- Nguyên đơn có quyền khởi kiện lại vụ án khi có nhu cầu và đảm bảo các điều kiện theo quy định của pháp luật.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Thu T phải chịu số tiền án phí giải quyết ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 008420 ngày 12/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã Phong An;
- Lưu: HSVA;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Đạt